

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý theo đồ án  
điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Thành mở rộng  
(Đô thị Núi Thành), giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ  
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến  
quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về  
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm  
định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP  
ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng  
quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy  
hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng  
Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh  
tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh  
phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ án  
điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Thành mở rộng (Đô thị Núi Thành),  
giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh  
phê duyệt bổ sung nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Thành  
mở rộng (Đô thị Núi Thành), giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030;*

*Căn cứ Công văn số 2489-CV/TU ngày 03/01/2020 của Tỉnh uỷ Quảng Nam về phúc đáp Báo cáo số 296-BC/BCSD ngày 05/12/2019 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh;*

*Căn cứ Công văn số 1515/BXD-QHKT ngày 01/4/2020 của Bộ Xây dựng về việc góp ý Quy hoạch chung đô thị Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và năm 2030;*

*Xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 08/5/2020 của UBND huyện Núi Thành đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Thành mở rộng (đô thị Núi Thành) giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030;*

*Theo Kết quả thẩm định quy hoạch số 29/ThĐ-SXD ngày 06/8/2020 của Sở Xây dựng.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Thành mở rộng (Đô thị Núi Thành), giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030; với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án: điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Thành mở rộng (Đô thị Núi Thành), giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030.

2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch: bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Núi Thành, diện tích tự nhiên 55.583,4 ha, cụ thể như sau:

- Phía Bắc: giáp thành phố Tam Kỳ;
- Phía Nam: giáp huyện Bình Sơn và huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi;
- Phía Đông: giáp biển Đông;
- Phía Tây: giáp huyện Phú Ninh và huyện Bắc Trà My.

3. Tính chất, chức năng của đô thị

a) Tính chất:

- Đô thị Núi Thành mở rộng là trung tâm tổng hợp cấp vùng, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Núi Thành, Khu Kinh tế mở Chu Lai và vùng Đông tỉnh Quảng Nam;

- Xây dựng thành đô thị loại III trực thuộc tỉnh Quảng Nam, gắn kết với đô thị Tam Kỳ, Khu Kinh tế mở Chu Lai trở thành trung tâm kinh tế của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung;

- Là một trong những hạt nhân, trung tâm phát triển của Khu Kinh tế mở Chu Lai - khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực;

- Là trung tâm công nghiệp ô tô và công nghiệp phụ trợ ngành ô tô, hàng không; trung tâm khí điện và sản phẩm hoá dầu; trung tâm sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và là trung tâm du

lịch dịch vụ gắn với việc khai thác sân bay Chu Lai và hệ thống cảng Chu Lai - Kỳ Hà.

b) Chức năng:

- Là một đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của vùng phía Nam tỉnh Quảng Nam, Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước;
- Có vị trí quan trọng về an ninh và quốc phòng.

4. Quy mô dân số, đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển

a) Dân số:

- Đến năm 2025: khoảng 151.100 người;
- Đến năm 2030: khoảng 169.100 người.

b) Đất đai:

- Đến năm 2025: đất xây dựng đô thị khoảng 11.312,85 ha, chiếm 20,35% diện tích tự nhiên; đất khác khoảng 44.270,55 ha, chiếm 79,65% diện tích tự nhiên;
- Đến năm 2030: đất xây dựng đô thị khoảng 14.374,95 ha, chiếm 25,86% diện tích tự nhiên; đất khác khoảng 41.208,45 ha, chiếm 74,14% diện tích tự nhiên.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và hướng phát triển đô thị

a) Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Đất đơn vị ở: đạt khoảng 100 m<sup>2</sup>/người;
- Đất công cộng: đạt khoảng 14,6 m<sup>2</sup>/người;
- Đất cây xanh: đạt khoảng 11,63 m<sup>2</sup>/người;
- Đất giao thông: đạt khoảng 24,77 m<sup>2</sup>/người.

b) Các chỉ tiêu kinh tế hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội: đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn của đô thị loại III.

c) Hướng phát triển đô thị: phát triển mạnh về phía Bắc theo hướng phát triển của Khu Kinh tế mở Chu Lai.

6. Định hướng tổ chức không gian đô thị

a) Ranh giới nội thị, ngoại thị: không thay đổi, cụ thể:

- Khu vực nội thị gồm 09 đơn vị hành chính: thị trấn Núi Thành và các xã: Tam Giang, Tam Quang, Tam Nghĩa, Tam Mỹ Đông, Tam Hiệp, Tam Anh Nam, Tam Anh Bắc, Tam Hòa;
- Khu vực ngoại thị: 08 xã còn lại, gồm: Tam Xuân 1, Tam Xuân 2, Tam Sơn, Tam Thạnh, Tam Mỹ Tây, Tam Trà, Tam Tiến, Tam Hải.

b) Phân khu chức năng:

Điều chỉnh về đất đơn vị ở, cập nhật các khu chức năng theo Quy hoạch

chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai đã duyệt, cụ thể:

Toàn đô thị chia thành 8 phân khu, như sau:

\* Phân khu 1:

- Vị trí: thị trấn Núi Thành và xã Tam Hiệp.
- Quy mô dân số: khoảng 35.500 người.
- Diện tích: 1.342,05 ha; trong đó, đất đơn vị ở là 459,05 ha.
- Mật độ cư trú: 46,37 người/ha.
- Định hướng phát triển: là khu trung tâm hành chính - chính trị, y tế, văn hóa của đô thị. Kiểm soát xây dựng, tăng cường cây xanh, bổ sung một số công trình dịch vụ công cộng, xây dựng các khu ở mới, các khu tái định cư cho các hộ dân bị di dời do giải phóng mặt bằng. Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

\* Phân khu 2:

- Vị trí: thị trấn Núi Thành, xã Tam Mỹ Đông, xã Tam Nghĩa.
- Quy mô dân số: khoảng 19.500 người.
- Diện tích: 5.228,02 ha; trong đó, đất đơn vị ở là 259,78 ha.
- Mật độ cư trú: 31,44 người/ha.
- Định hướng phát triển: là khu trung tâm thương mại, giáo dục, thể dục thể thao, du lịch tâm linh của đô thị. Giữ gìn hình ảnh nông nghiệp và lâm nghiệp ở phía Nam, phát triển gắn với mục tiêu cải thiện môi trường, bảo tồn không gian cảnh quan và các giá trị làng quê.

\* Phân khu 3:

- Vị trí: xã Tam Giang.
- Quy mô dân số: khoảng 8.700 người.
- Diện tích: 1.283,52 ha; trong đó, đất đơn vị ở là 103,18 ha.
- Mật độ cư trú: 28,95 người/ha.
- Định hướng phát triển: là khu hành chính, khu du lịch, khu kiểm ngư. Nơi đây sẽ xây dựng một số nhà cao tầng tạo điểm nhấn cho khu vực, còn lại là nhà mật độ vừa. Nhà ở phần lớn theo hình thức nhà vườn.

\* Phân khu 4:

- Vị trí: xã Tam Quang, xã Tam Nghĩa.
- Quy mô dân số: khoảng 9.100 người.
- Diện tích: 3.514,16 ha; trong đó, đất đơn vị ở là 132,76 ha.
- Mật độ cư trú: 42,25 người/ha.
- Định hướng phát triển: là trung tâm thương mại, trung tâm ngư

nghiệp, công nghiệp điện khí, trung tâm du lịch và đầu mối giao thông của đô thị. Đặc biệt, sân bay Chu Lai có thể phát triển thành đầu mối giao thông của vùng phía Bắc khu vực Nam Trung Bộ. Mật độ và tầng cao công trình đảm bảo yêu cầu quản lý trong khu vực phễu bay; khuyến khích phát triển hình thức nhà ở theo dạng nhà vườn, một số khu vực tập trung nhà liền kề như chợ Tam Quang và dọc theo đường ĐT 618.

\* Phân khu 5:

- Vị trí: xã Tam Hòa, xã Tam Anh Bắc.
- Quy mô dân số: khoảng 26.500 người.
- Diện tích: 2.465,24 ha; trong đó, đất đơn vị ở là 268,94 ha.
- Mật độ cư trú: 25,38 người/ha.
- Định hướng phát triển: đây sẽ là trung tâm du lịch và dịch vụ của đô thị. Khu vực phát triển dân cư là chính, sẽ dành quỹ đất lớn để tái định cư. Hình thức nhà ở theo lô phố và biệt thự vườn.

\* Phân khu 6:

- Vị trí: xã Tam Hiệp, xã Tam Anh Bắc, xã Tam Anh Nam.
- Diện tích: 6.080,62 ha; trong đó, đất đơn vị ở là 159,78 ha.
- Định hướng phát triển: đây sẽ là trung tâm công nghiệp và cảng biển của đô thị. Hạn chế và dần di dời dân cư trong khu vực thực hiện các dự án, cần bố trí các khu tái định cư và quỹ đất nhà ở xã hội.

\* Phân khu 7:

- Vị trí: xã Tam Hòa, xã Tam Tiến, xã Tam Hải.
- Quy mô dân số: khoảng 22.700 người.
- Diện tích: 4.839,21 ha; trong đó, đất đơn vị ở là 307,28 ha.
- Mật độ cư trú: 19,03 người/ha.
- Định hướng phát triển: đây là trung tâm du lịch và lễ hội biển. Các khu du lịch xây dựng theo kiểu resort, công trình nhà dân xây dựng theo hình thức địa phương, dạng nhà vườn là chủ yếu.

\* Phân khu 8:

- Vị trí: các xã còn lại.
- Quy mô dân số: khoảng 47.100 người.
- Diện tích: 30.830,58 ha; trong đó, đất đơn vị ở là 1.244,48 ha.
- Mật độ cư trú: 37,85 người/ha.
- Định hướng phát triển: khu vực này phát triển theo định hướng nông thôn mới, giữ gìn cảnh quan đồng ruộng và rừng.

c) Định hướng các khu trung tâm hành chính và dịch vụ công cộng:

- Trung tâm hành chính của thị xã trong tương lai: bố trí tại khu vực hiện nay và dự kiến mở rộng qua xã Tam Giang.

- Trung tâm thương mại và dịch vụ: bố trí ở 03 vị trí chính, khu vực chợ hiện nay, khu vực trung tâm của đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt tại xã Tam Mỹ Đông và khu vực xã Tam Nghĩa.

- Trung tâm văn hoá: bố trí ở khu vực hiện nay và khu vực mở rộng ở xã Tam Mỹ Đông.

- Trung tâm y tế: bố trí ở 02 vị trí chính là khu vực hiện nay tại thị trấn Núi Thành và khu vực xã Tam Hiệp.

- Trung tâm thể dục thể thao: bố trí ở khu vực hiện nay tại xã Tam Hiệp và khu vực mở rộng ở xã Tam Mỹ Đông.

- Trung tâm giáo dục đào tạo cấp vùng: bố trí mới ở 02 cụm chính, 01 tại Khu đô thị mới phía Nam thị trấn Núi Thành hiện hữu và 01 tại xã Tam Mỹ Đông.

d) Định hướng các khu ở:

Các khu ở được bố trí tập trung chủ yếu khu vực trung tâm đô thị, trung tâm phường và dọc theo các trục đường giao thông chính.

- Khu vực nội thị, bao gồm 3 loại hình ở chính:

- + Khu ở trung tâm đô thị, trung tâm phường và dọc theo Quốc lộ 1A: nhà ở kết hợp với phát triển thương mại dịch vụ;

- + Khu ở phát triển du lịch nhà vườn: tập trung ở xã Tam Giang, đây là loại hình ở kết hợp giữa du lịch, dịch vụ, văn phòng và nhà ở;

- + Khu ở hỗn hợp: đây là loại hình ở bao gồm nhà ở, cửa hàng và sản xuất nhỏ lẻ; tập trung ở các khu vực còn lại.

- Khu vực ngoại thị: chủ yếu là loại hình nhà ở làng xóm, tập trung ở các khu vực trung tâm xã và các tuyến đường chính kết nối với khu vực nội thị.

e) Định hướng các khu, cụm công nghiệp:

Hệ thống các khu công nghiệp theo Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai đã duyệt; cụm công nghiệp theo Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

f) Định hướng phát triển du lịch:

Các khu vực phát triển du lịch, bao gồm: khu dịch vụ Tam Anh Bắc là khu dịch vụ du lịch sinh thái vùng ngập nước; khu dịch vụ Tam Giang là khu du lịch nhà vườn; các khu dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven biển tập trung ở các xã Tam Tiến, Tam Hải, Tam Quang và Tam Nghĩa.

g) Định hướng cây xanh, mặt nước:

- Tích cực khai thác không gian mặt nước. Bố trí đất cây xanh dọc theo

theo các lưu vực sông suối, kênh rạch để tạo không gian đệm liên kết, vừa tạo cảnh quan đẹp vừa bảo vệ lưu vực dòng sông;

- Cải tạo hệ thống đồi núi trong đô thị để làm các tiểu rừng, giữ vững hệ sinh thái tự nhiên trong đô thị.

## 7. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn:

TT	Mục đích sử dụng	Quy hoạch đến năm 2025		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỉ trọng (%)	Diện tích (ha)	Tỉ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Tổng cộng đất khu nghiên cứu</b>	<b>55,583.40</b>	<b>100</b>	<b>55,583.40</b>	<b>100</b>
	Đất nội thị	23,056.21	41.48	23,056.21	41.48
	Đất ngoại thị	32,527.19	58.52	32,527.19	58.52
<b>II</b>	<b>Tổng cộng đất khu nghiên cứu</b>	<b>55,583.40</b>	<b>100</b>	<b>55,583.40</b>	<b>100</b>
	Đất xây dựng đô thị	11,312.85	25.86	14,374.95	25.86
	Đất khác	44,270.55	74.14	41,208.45	74.14
<b>A</b>	<b>Đất xây dựng đô thị</b>	<b>11,312.85</b>	<b>20.35</b>	<b>14,374.95</b>	<b>25.86</b>
<b>A.1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>1,930.48</b>	<b>3.47</b>	<b>2,568.88</b>	<b>4.62</b>
1	Đất đơn vị ở	1,209.00		1,691.0	
2	Đất công cộng	205.06		247.20	
3	Đất giáo dục (Trường THPT)	15.14		15.14	
4	Đất cây xanh	181.35		196.63	
5	Đất giao thông	319.93		418.91	
<b>A.2</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>9,382.37</b>	<b>16.88</b>	<b>11,806.07</b>	<b>21.24</b>
1	Đất công trình cơ quan trụ sở	31.21		44.92	
2	Đất giáo dục	31.79		31.79	
3	Đất y tế cấp vùng	25.88		25.88	
4	Đất giao thông đối ngoại	555.22		736.09	
5	Đất thương mại dịch vụ	93.26		117.38	
6	Đất cây xanh chuyên đề	170.30		466.51	
7	Đất cây xanh thể dục thể thao	18.11		124.57	
8	Đất cây xanh cách ly	848.07		848.07	
9	Đất ở nông thôn	1,816.21		1,774.55	
10	Đất công nghiệp	1,440.00		2,791.88	
11	Đất phi thể quan	1,012.00		1,012.00	

12	Đất du lịch	427.66		918.66	
13	Đất di tích lịch sử	56.68		56.68	
14	Đất công trình đầu mối HTKT - sân bay	2,323.27		2,323.27	
15	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	12.26		12.26	
16	Đất an ninh - quốc phòng	407.49		407.49	
17	Đất nghĩa trang	112.96		114.07	
<b>B</b>	<b>Đất khác</b>	<b>44,270.55</b>	<b>79.65</b>	<b>41,208.45</b>	<b>74.14</b>
	Mặt nước	3,134.56		3,134.56	
	Đất sản xuất nông nghiệp	12,881.03		11,623.32	
	Đất lâm nghiệp	24,088.12		23,301.19	
	Đất dự trữ	475.00		475.00	
	Đất chưa sử dụng	2,731.54		1,644.80	
	Đất chuyên dùng khác	960.30		1,029.58	
	<b>Tổng diện tích quy hoạch (A+B)</b>	<b>55,583.40</b>	<b>100</b>	<b>55,583.40</b>	<b>100</b>

## 8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

### a) Chuẩn bị kỹ thuật:

#### - San nền:

+ Đối với các khu vực đã xây dựng: khu vực đã xây dựng có cao độ nền hiện trạng  $H \geq +3,0$  m cần giữ nguyên nền hiện trạng. Khu vực các làng xóm có mật độ xây dựng thưa hơn, cao độ nền thấp  $< 3$  m thì dự kiến nâng nền công trình đến cao độ  $+2$  m, sân vườn cũ giữ nguyên nền hiện trạng;

+ Đối với khu vực xây dựng mới: các khu vực ruộng lúa đang canh tác, khu vực ao tôm có nền thấp trũng, nền đất yếu và có cao độ  $H < +2,0$  m cần tôn nền  $\geq +2,0$  m để tránh ngập nước;

+ Các khu vực phía Tây chủ yếu là đất đồi núi cao ráo, chỉ san gạt để tạo mặt bằng xây dựng, tôn trọng hướng dốc, địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đào đắp lớn.

- Thoát nước mặt: hệ thống thoát nước mặt là hệ thống riêng hoàn chỉnh. Hướng thoát ra các sông, suối đi qua từng lưu vực rồi thoát ra các trục tiêu chính.

### b) Quy hoạch hệ thống giao thông:

#### \* Giao thông đối ngoại:

#### - Đường bộ:

+ Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi: định hướng đến năm 2030, giữ nguyên giai đoạn quy mô tuyến đã được đầu tư xây dựng hiện nay, với quy mô  $B_n = 25,5$  m và hành lang bảo vệ mỗi bên 20 m, quản lý theo mặt cắt kỹ



hiệu A-A;

+ Quốc lộ 1A: là trục xương sống của đô thị, liên kết các khu đô thị, các khu chức năng đô thị theo trục từ Bắc xuống Nam, với quy mô mặt cắt 43 m (ký hiệu B-B);

+ Đường Võ Chí Công: xây dựng tuyến đường với quy mô mặt cắt 38 m và dải dự trữ đường sắt đô thị phía Đông 20 m (ký hiệu 6-6). Đoạn từ ranh giới phía Bắc đến cầu Diêm Trà, xã Tam Tiến có hành lang cây xanh rừng phòng hộ mỗi bên 100 m;

+ Đường Thanh niên, quy mô mặt cắt 32 m (ký hiệu 12-12); đường ven biển, quy mô mặt cắt  $B_n = 20$  m và 20 m cây xanh (ký hiệu 15-15);

+ Đường ĐT617: nâng cấp toàn bộ tuyến, kéo dài tuyến về phía Tây nối vào Quốc lộ 40B trên cơ sở nâng cấp tuyến đường Tam Trà - Trà Kót - Trà Đông - Trà Dương (huyện Bắc Trà My); với quy mô mặt cắt 27 m đoạn trong đô thị (ký hiệu 14-14) và 20,5 m đoạn ngoài đô thị (ký hiệu 16-16);

+ Đường ĐT618 (Quốc lộ 1A - Cảng Kỳ Hà): phục vụ vận chuyển hàng hóa thông qua cảng Kỳ Hà, thúc đẩy phát triển Khu Kinh tế Chu Lai, quy mô mặt cắt 60 m (ký hiệu 1-1);

+ Đường ĐT620 (Quốc lộ 1A - Sân bay Chu Lai - Cảng Kỳ Hà): trên cơ sở nâng cấp tuyến hiện trạng nối Quốc lộ 1A đi sân bay Chu Lai đến cảng Kỳ Hà, quy mô mặt cắt 60 m (ký hiệu 1-1);

+ Tuyến ĐH03: định hướng lên đường tỉnh, quy mô mặt cắt 20,5 m (ký hiệu 16-16).

- Đường thủy:

+ Sông Trường Giang (Điểm đầu tại ngã ba An Lạc, điểm cuối tại cách cảng Kỳ Hà 6,8 km về phía thượng lưu) do Cục Đường sông quản lý dài 60,2 km, hiện trạng sông cấp IV. Quy hoạch đến năm 2030 giữ nguyên cấp sông là IV;

+ Sông Tam Kỳ (Điểm đầu tại cầu Tam Kỳ, điểm cuối tại ngã ba sông Trường Giang): do tỉnh Quảng Nam quản lý dài 16 km, hiện trạng cấp sông là cấp VI. Quy hoạch đến năm 2030 là cấp IV;

+ Sông An Tân (Điểm đầu tại cầu An Tân, điểm cuối tại ngã ba sông Trường Giang): do tỉnh Quảng Nam quản lý dài 8 km, hiện trạng cấp sông là cấp VI. Quy hoạch đến năm 2030 là cấp V;

+ Cảng biển: thực hiện theo điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Cảng biển Chu Lai được nghiên cứu quy hoạch trở thành cảng loại I (cảng quốc gia) là đầu mối về giao thông vận tải, giao thương và giao lưu quốc tế quan trọng. Đảm bảo cho tàu 30.000 DWT đầy tải và có thể tiếp nhận các tàu 50.000 DWT; nghiên cứu quy hoạch mở thêm tuyến luồng mới từ khu vực Cửa Lở kết nối vào các khu bến: Chu Lai, Tam Giang, Tam Hòa, Kỳ Hà đảm bảo cho tàu từ 3 vạn tấn

đến 5 vạn tấn trở lên ra vào thuận lợi và quy hoạch phát triển thêm các bến cảng hàng hóa (trong đó có các bến hàng hóa chuyên dùng: Gas, xăng dầu,...) và các bến vận tải hành khách phục vụ du lịch.

- Hàng không:

Cảng hàng không Quốc tế Chu Lai thực hiện theo điều chỉnh Quy hoạch giao thông vận tải hàng không giai đoạn đến 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đường sắt:

+ Tuyến đường sắt Bắc - Nam: phục vụ vận tải liên vùng. Nâng cấp cải tạo ga Diêm Phở và ga Núi Thành;

+ Xây dựng tuyến đường sắt đô thị kết nối sân bay Chu Lai với các đô thị vùng Đông Nam của tỉnh, thành phố Hội An, thành phố Đà Nẵng chạy song hành với tuyến đường Võ Chí Công.

- Hệ thống bến xe: nâng cấp bến xe Núi Thành đạt tiêu chuẩn loại II.

\* Giao thông đô thị:

- Đường trục chính:

+ Tuyến đường trục chính Việt Hàn quy mô mặt cắt 45,5 m (ký hiệu 5-5);

+ Đường trục chính từ Đường cao tốc - xã Tam Hòa quy mô mặt cắt 35 m (ký hiệu 9-9) và 45,5 m (ký hiệu 5-5);

+ Đường trục chính từ Đường cao tốc - đường Võ Chí Công quy mô mặt cắt 35 m (ký hiệu 9-9);

+ Đường trục chính kết nối liên thông Đường cao tốc - Cảng Tam Hiệp quy mô mặt cắt 35 m (ký hiệu 9-9);

+ Đường trục chính trong Khu công nghiệp Tam Anh Bắc - Tam Anh Nam quy mô mặt cắt 35 m (ký hiệu 9-9).

- Đường liên khu vực:

+ Tuyến đường liên khu vực song song đường cao tốc về phía Đông quy mô mặt cắt 36 - 39 m (ký hiệu 8-8);

+ Tuyến đường liên khu vực song song Võ Chí Công về phía Đông quy mô mặt cắt 35 m (ký hiệu 10-10);

+ Tuyến đường liên khu vực song song Võ Chí Công về phía Tây quy mô mặt cắt 35 m (ký hiệu 10-10);

+ Các tuyến đường liên khu vực còn lại quy mô mặt cắt 55 m (ký hiệu 3-3), 35 m (ký hiệu 10-10), 30 m (ký hiệu 13-13), 27 m (ký hiệu 14-14);

- Đường khu vực: được bố trí theo lưới đường 150 - 200 m, với quy mô mặt cắt 34 m (ký hiệu 11-11) và 20,5 m (ký hiệu 16-16).

c) Quy hoạch cấp nước:

- Dự báo nhu cầu dùng nước đến năm 2025 khoảng 52.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, đến năm 2030 khoảng 98.000 m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Giải pháp cấp nước:

+ Nhà máy cấp nước Tam Hiệp công suất hiện tại là 9.000 m<sup>3</sup>/ng.đ và sẽ giữ nguyên công suất hiện tại;

+ Nhà máy nước Tam Hiệp 2, sau khi hoàn thành sẽ bổ sung cho mạng lưới Nhà máy cấp nước Tam Hiệp cấp nước sạch cho thị trấn Núi Thành, các xã Tam Anh Nam, Tam Anh Bắc, Tam Quang, Tam Giang, Tam Hiệp, Tam Nghĩa, Tam Mỹ Đông;

+ Nhà máy cấp nước BOO Phú Ninh, sau khi hoàn thành sẽ cấp nước cho các Khu công nghiệp Tam Anh, Tam Hiệp, Bắc Chu Lai.

d) Quy hoạch cấp điện: Trạm nguồn Tam Kỳ E15: 1x250MVA, trạm Kỳ Hà tại Tam Hiệp, Núi Thành 220/110/22kV: 2x125MVA là các trạm chính cấp điện cho toàn khu vực.

e) Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang:

\* Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải đến năm 2030 khoảng 72.000 m<sup>3</sup>/ng.đ;

- Hiện tại nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Tam Hiệp có công suất 18.000 m<sup>3</sup>/ng.đ sẽ xử lý toàn bộ lượng nước thải của Khu công nghiệp Tam Hiệp và Khu công nghiệp Trường Hải. Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Bắc Chu Lai giai đoạn 1 có công suất 1.900 m<sup>3</sup>/ng.đ sẽ xử lý nước thải Khu công nghiệp Bắc Chu Lai. Dự kiến xây dựng thêm 03 trạm xử lý nước thải cho Khu công nghiệp Tam Anh và Khu công nghiệp Bắc Chu Lai giai đoạn 2 lên 14.000 m<sup>3</sup>/ng.đ. Tổng công suất là 38.000 m<sup>3</sup>/ng.đ. Xây dựng mới 03 nhà máy xử lý nước thải xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt cho toàn thị trấn Núi Thành mở rộng, tổng công suất 03 trạm xử lý là 15.000 m<sup>3</sup>/ng.đ.

\* Xử lý chất thải rắn:

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2025 là 120 tấn/ng.đ, đến năm 2030 là 152 tấn/ng.đ;

- Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại xã Tam Nghĩa rộng 35 ha.

\* Nghĩa trang tập trung:

- Giai đoạn 2025: trước mắt, đô thị Núi Thành bố trí diện tích đất nghĩa trang tại vị trí thuộc xã Tam Hiệp gồm: Khu nghĩa trang đồi Động Cao (10 ha), đồi Động Lịch (18 ha) tại xã Tam Nghĩa; nghĩa trang tại xã Tam Anh Nam (26,81 ha) và nghĩa trang tại xã Tam Anh Bắc, diện tích hiện trạng là 13,11 ha;

- Giai đoạn 2030: sẽ tập trung về khu nghĩa trang tập trung tại xã Tam Mỹ Đông quy mô 26,7 ha và tại xã Tam Anh Bắc quy mô 25 ha;

- Đối với các khu vực nghĩa trang tộc họ hiện có trong khu vực nghiên cứu thì tiến hành khoanh vùng và không cho chôn cất tại đây nữa nhằm đảm bảo môi trường cho khu vực.

f) Hệ thống thông tin liên lạc:

- Để đảm bảo khả năng cung cấp đầy đủ thông tin liên lạc cho toàn khu quy hoạch, thiết kế 05 tổng đài bưu điện kết hợp với các trạm tổng đài điều khiển của tỉnh, các trạm BTS để đáp ứng khả năng phục vụ các dịch vụ bưu chính và viễn thông;

- Phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, phù hợp với quy hoạch hạ tầng viễn thông của tỉnh;

- Phủ sóng thông tin di động, hạ tầng cáp quang đến 100% khu vực dân cư. Phát triển mới 70 cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động; ngầm hóa khoảng 15 km cáp tại các khu vực trung tâm, trục đường chính.

g) Biện pháp bảo vệ môi trường:

Áp dụng các giải pháp tùy theo từng nguồn tác động, gồm: biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí và tiếng ồn; biện pháp giảm thiểu tác động, bảo vệ môi trường đối với các hoạt động công nghiệp; kiểm soát ô nhiễm do chất thải rắn; biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường kinh tế - xã hội; giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

**Điều 2.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Thành mở rộng (Đô thị Núi Thành), giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành

- Công bố đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Thành; tổ chức thực hiện quy hoạch theo các quy định của pháp luật hiện hành;

- Triển khai điều chỉnh chương trình phát triển đô thị gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định; trong đó lưu ý, xác định các khu vực phát triển đô thị gắn với lộ trình và kế hoạch thực hiện theo đúng định hướng quy hoạch chung, làm cơ sở triển khai đầu tư xây dựng theo đúng Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

- Xây dựng kế hoạch triển khai lập, điều chỉnh các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo từng giai đoạn quy hoạch; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy hoạch, quy định quản lý liên quan đã ban hành cho phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát UBND huyện Núi Thành tổ chức thực hiện phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt;

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan trong việc quản lý đầu tư phát triển đô thị theo đúng quy định hiện hành và quy hoạch được duyệt; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

### 3. Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai

Phối hợp, hướng dẫn UBND huyện Núi Thành thực hiện công tác quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới thuộc Khu Kinh tế mở Chu Lai.

4. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, Ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với huyện Núi Thành trong quá trình xây dựng và phát triển theo đúng quy hoạch được duyệt.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Núi Thành mở rộng (Đô thị Núi Thành), giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, Chủ tịch UBND huyện Núi Thành và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

(F:\Tien Dong\Quyết định\2020\PD DC QHC thị trấn Núi Thành mở rộng.doc)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Trí Thanh**